TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/3/2024
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Huệ

2. Ông Lưu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K (địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T, huyện A, tỉnh K) và điểm cầu thành phần tại 3/12 khu phố B, đường B1, phường B2, thành phố T, tỉnh D; vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 208/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Mai Hoàng T**, sinh năm 1999.

ĐKHKTT: Ấp 1, xã L, thị xã L1, tỉnh H.

Chổ ở hiện nay: 3/12 khu phố B, đường B1, phường B2, thành phố T, tỉnh D. (Có mặt tại điểm cầu thành phần).

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị Ánh T1**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp 8I, xã T, huyện A, tỉnh K. (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Mai Hoàng T trình bày:***

Do quen biết anh và chị T1 tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn với chị Lê Thị Ánh T1 tại UBND xã T, huyện A, tỉnh K. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách, thường xảy ra cự cãi. Tuy vậy anh vẫn cố gắng chịu đựng nhưng thời gian kéo dài mâu thuẫn phát sinh ngày càng nhiều thêm, sau khi sinh con được 5 tháng thì vợ chồng anh sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Hoàng A, sinh năm 02/02/2020. Hiện chị Ánh T1 đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Ánh T1; Về con chung: Anh đồng ý tiếp tục giao con chung cho chị T1 nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng; Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Thị Ánh T1 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Mai Hoàng T, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Anh T: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; đồng ý tiếp tục giao con chung cho chị T1 nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị T1: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Mai Hoàng T được ly hôn với chị Lê Thị Ánh T1. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Mai Hoàng A, sinh năm 02/02/2020 cho chị T1 nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do chị T1 không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, chị T1 không có ý kiến hay yêu cầu gì về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Ánh T1 là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị đã vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T1 trong vụ án này.

Anh T có đủ điều kiện tham gia phiên tòa bằng hình thức trực tuyến nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trực tuyến.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh Mai Hoàng T và chị Lê Thị Ánh T1 là hợp pháp, được UBND xã T, huyện A, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 53 cấp ngày 04/5/2020. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên quen biết có tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh T nguyên nhân là do anh và chị T1 không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách, thường xảy ra cự cãi. Sau khi sinh con được 5 tháng thì chị T1 bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và đã ly thân từ đó đến nay.

Chị T1 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía anh T đưa ra. Mặc dù Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng chị T1 bỏ mặc không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh chị đã có thời gian ly thân nhưng vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh T và chị T1 là không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T xác định giữa anh và chị T1 có 01 con chung là Mai Hoàng A, sinh năm 02/02/2020. Hiện do chị T1 nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh T đồng ý tiếp tục giao con chung cho chị T1 nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh T và chị T1 ly thân đến nay do chị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Và theo xác nhận của ông Trần Hồng T2 - Trưởng ấp 8I, xã T, huyện A xác định cháu Mai Hoàng A, sinh năm 2020 hiện do chị T1 nuôi dưỡng. Phía chị T1 không có ý kiến gì về việc anh T tiếp tục giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao con chung là Mai Hoàng A, sinh năm 02/02/2020 cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không cấp dưỡng nuôi con và chị T1 cũng không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Mai Hoàng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Mai Hoàng T được ly hôn với chị Lê Thị Ánh T1.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Mai Hoàng A, sinh năm 02/02/2020 cho chị Lê Thị Ánh T1 nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị T1 không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh Mai Hoàng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005003 ngày 24/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K. Xem như anh T đã thi hành xong phần án phí.

5. Anh Mai Hoàng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Lê Thị Ánh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU